

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

LÊ HUY THỰC

**TRIẾT LÝ ĐẠO ĐỨC
TRONG KHO TÀNG TỤC NGŨ,
CA DAO, DÂN CA VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

CHUYÊN NGÀNH: CNDVBC VÀ CNDVLS

MÃ SỐ: 62 22 03 02

HÀ NỘI - 2015

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH
TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Ngọc Long

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:.....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
vào lúc....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2015

Có thể tìm hiểu Luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Huy Thực (1994), “Trang Tử - sắc thái tư tưởng và tình cảm”, *Tạp chí Nghiên cứu lý luận*, (5), tr.61-65 và trong (2000), *Đạo gia và văn hóa*, NXB Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tr.94-106.
2. Lê Huy Thực, Trịnh Lê Hằng (1996), “Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết lương giáo”, *Thông tin Khoa học chính trị*, (1), tr.23-26.
3. Lê Huy Thực (1999), “Tìm hiểu một số quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về bản chất tôn giáo và sự vận dụng của Đảng ta”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (4), tr.20-23.
4. Lê Huy Thực (2003), “Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục đào tạo-một biện pháp quan trọng để xây dựng, phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, (4), tr.32-36.
5. Lê Huy Thực (2003), “Cán bộ lãnh đạo chính trị - khái niệm, đặc điểm hoạt động và phẩm chất đạo đức, tác phong”, viết cho Đề tài cấp Bộ năm 2002 - 2003 của Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đã nghiệm thu, đăng *Tạp chí Lịch sử Đảng*, (11), tr.60-62.
6. Lê Huy Thực (2003), “Quan niệm về đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (11), tr.41-45.
7. Lê Huy Thực (2003), “Đạo đức - một giá trị được tôn vinh trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, (6), tr.16-22.
8. Lê Huy Thực (2004), “Đề xây dựng, phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, (3), tr.24-30.
9. Lê Huy Thực (2004), “Triết lý về hạnh phúc trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, (2), tr.36-42.
10. Lê Huy Thực (2004), “Tình yêu và bất hạnh trong thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, (4), tr.65-67.
11. Lê Huy Thực (2005), “Hôn nhân bất hạnh trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Báo chí và tuyên truyền*, (1), tr. 58-60.
12. Lê Huy Thực (2005), “Tiêu chí kiểm định đạo đức trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, (9), tr.40-44.

13. Lê Huy Thực (2005), “Bản chất và dạng lý tưởng của hạnh phúc trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Thông tin Văn hóa và phát triển*, (5), tr.39-43. Sửa, bổ sung làm tham luận tham gia Hội thảo quốc tế về Triết học giới tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh từ ngày 2 đến ngày 8 -1 - 2008.
14. Lê Huy Thực (2005), “Hồ Chí Minh về đội ngũ cán bộ, đảng viên thực hiện, phát huy dân chủ ở nông thôn”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (3), tr.12-15.
15. Lê Huy Thực (2005), “Tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam về đạo đức, đặc trưng bản chất của con người cần được quan tâm giáo dục”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, (11), tr. 16-23.
16. Lê Huy Thực (2010), “Quan niệm về hạnh phúc dưới dạng lý tưởng của nó trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, (1), tr.75-79.
17. Lê Huy Thực (2011), “Về bài ca dao có nhân vật mang tên Bờm”, *Tạp chí Kiến thức ngày nay*, (739), tr.36-38.
18. Lê Huy Thực (2011), “Về một cách đánh giá phẩm chất cao đẹp của hoa sen”, *Thông tin Văn hóa và phát triển*, (3), tr.42-43.
19. Lê Huy Thực (2011), “Từ những câu tục ngữ về tình yêu thương con của người mẹ, suy nghĩ đến các hành vi thất đức hiện nay”, *Thông tin Văn hóa và phát triển*, (12), tr.35-36.
20. Lê Huy Thực (2011), “Vấn đề đạo đức trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam và góp phần bồi đắp phẩm chất đó ở nước ta hiện nay”, viết cho Đề tài độc lập cấp Nhà nước, mã số ĐTĐL.2008 G/09, đã nghiệm thu, 37 tr. in A4.
21. Lê Thái Học (bút danh của Lê Huy Thực) (2011), “Tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam và góp phần giáo dục tình yêu quê hương, Tổ quốc cho con người mới ở nước ta”, viết cho Đề tài độc lập cấp Nhà nước, mã số ĐTĐL.2008 G/09, đã nghiệm thu, 26 tr. in A4.
22. Lê Bình Giang (bút danh của Lê Huy Thực) (2011), “Chỉ dẫn hướng thiện trong tục ngữ, ca dao của dân tộc ta và góp phần xây dựng văn hóa, đạo đức mới ở Việt Nam”, viết cho Đề tài độc lập cấp Nhà nước, mã số ĐTĐL.2008 G/09, đã nghiệm thu, 27 tr. in A4.
23. Lê Hải Dương (bút danh của Lê Huy Thực) (2011), “Nội dung và tính chất thời sự của vấn đề ân nghĩa, trách nhiệm trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, viết cho Đề tài độc lập cấp Nhà nước, mã số ĐTĐL.2008 G/09, đã nghiệm thu, 34 tr. in A4.

24. Lê Khánh Kiệt (bút danh của Lê Huy Thực) (2011), “Sự phê phán thói đời trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam và ý nghĩa thời sự của vấn đề đó”, viết cho Đề tài độc lập cấp Nhà nước, mã số ĐTĐL.2008 G/09, đã nghiệm thu, 45 tr. in A4.
25. Lê Huy Thực (2011), “Nhân bàn về cách hiểu sai câu tục ngữ “Học thầy chẳng tày học bạn” ”, *Tạp chí Nhà văn*, (12), tr. 108-112.
26. Lê Huy Thực (2012), “Về tình yêu quê hương đất nước qua tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội*, (12), tr.40-46.
27. Lê Huy Thực (2012), “Thảo tác so sánh trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nghiên cứu và giảng dạy lôgic học ở Việt Nam hiện nay*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.165-174.
28. Lê Huy Thực (2013), “Tìm hiểu con người, tình cảm và tư tưởng của hai tác gia Lão - Trang trong triết học cổ đại Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (1), tr. 60-70.
29. Lê Huy Thực (2013), “Tình cảm vợ chồng trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, (1), tr.28-33.
30. Lê Huy Thực (2013), “Bàn thêm về câu tục ngữ “Học thầy chẳng tày học bạn”, phần 1”, *Chuyên san Dặm ngàn đất Việt*, (7), NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.49-58.
31. Lê Huy Thực (2014), “Bàn thêm về câu tục ngữ “Học thầy chẳng tày học bạn”, phần 2”, *Chuyên san Dặm ngàn đất Việt*, (8), NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 74-82.
32. Lê Huy Thực (2014), “Những lo ngại, hối tiếc và bi kịch về tình yêu trong thơ ca dân gian Việt Nam”, *Chuyên san Dặm ngàn đất Việt*, (9), NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 117-127.
33. Lê Huy Thực (2014), “Thói ngạo mạn, bịp bợm, giả tạo bị chỉ trích trong văn nghệ dân gian”, *Tạp chí Cửa biển*, (1), tr. 94-95.
34. Lê Huy Thực (2014), “Về sự phê phán, giễu cợt chứng bệnh khoe khoang trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam”, *Tạp chí Văn nghệ Hải Dương*, (3), tr. 38-40.
35. Lê Huy Thực (2014), “Mấy câu tục ngữ về tình yêu thương con của người mẹ”, *Tạp chí Văn nghệ Tây Ninh*, (1), tr. 22-23.
36. Lê Huy Thực (2015), “Bài ca dao về tình yêu thương con của người cha”, *Chuyên san Dặm ngàn đất Việt*, (11), NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 70-73.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam đã, đang trong quá trình thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập, hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới để tiến lên chủ nghĩa xã hội, mà thực chất và cốt tử nhất là xây dựng nền kinh tế có năng suất cao, phát triển nhanh, mạnh, bền vững, đồng thời từng bước phát triển kinh tế tri thức theo xu thế chung của thời đại.

Vấn đề kinh tế - xã hội nói trên ở nước ta hiện nay không những không tách rời, biệt lập, mà còn có quan hệ biện chứng, gắn bó máu thịt với nhiệm vụ quan trọng khác là xây dựng và phát triển nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa trên Tổ quốc ta lúc này. Bởi vì, thực tiễn lịch sử đã chứng minh, khẳng định sau đây của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội VIII là hoàn toàn chính xác: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”.

Vì thế, trong quá trình đổi mới để phát triển, Đảng đã nhiều lần nhấn mạnh tại không ít văn kiện quan trọng vấn đề phải xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và kế thừa, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tích cực, tiến bộ của dân tộc. Nhưng, nhiệm vụ lịch sử ấy sẽ không thể hoàn thành với kết quả mỹ mãn nếu như không có sự tìm hiểu các sản phẩm, giá trị văn hóa của dân tộc đã được hun đúc nên từ hàng nghìn năm lao động sản xuất, đấu tranh đánh đuổi giặc ngoại xâm, chống thiên tai, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta. Phải nghiên cứu để có sự hiểu biết văn hóa truyền thống, rồi mới kế thừa, phát huy, xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến được.

Nghiên cứu văn hóa dân tộc để giữ gìn, kế thừa, phát huy những giá trị tích cực trong đó luôn là công việc mang tính cấp bách.

Văn hóa, văn nghệ dân gian là một phần quan trọng trong toàn bộ di sản tinh thần, tư tưởng của dân tộc. Đó là một đề tài mang tính thời sự, là đối tượng cần được nghiên cứu. Bởi thế, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ghi rõ trong Báo cáo chính trị trình Đại hội VIII như sau: “Kế thừa và phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức và thẩm mỹ, các di sản văn hóa, nghệ thuật của dân tộc”. Đến Đại hội X, Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Bảo tồn và phát huy văn hóa, văn nghệ dân gian. Kết hợp hài hòa việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế”. Và, tại Đại hội XI, Đảng vẫn chủ trương: “bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc”. Tóm lại, trong giai đoạn cách mạng mới hiện nay, Đảng ta có sự coi trọng việc nâng lên các giá trị tích cực của phẩm chất đạo đức và di sản văn hóa dân gian của dân tộc. Để thực hiện chủ trương này của Đảng, chúng ta phải tập

trung nghiên cứu nhiều nội dung trong di sản văn hóa nói trên. Cần tiếp cận để hiểu biết các nội dung, ý nghĩa tích cực trong văn hóa, nghệ thuật dân gian rồi mới có ý thức và việc làm bảo tồn, phát huy được những giá trị đáng quý tại di sản ấy. Chính vì vậy, đã từ lâu, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới để phát triển hiện nay, giới nghiên cứu đã tập trung tâm trí làm sáng tỏ nhiều vấn đề thuộc kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian Việt Nam. Ở nước ta đã ấn hành nhiều công trình bàn về văn hóa, văn nghệ dân gian nói chung viết rất công phu, bề thế, dày 300, 400 trang, có quyển gồm ngót 3000 trang. Nhưng, việc nghiên cứu về đạo đức dưới góc độ triết học trong sáng tác dân gian đến nay có thể nói còn quá ít ỏi. Chưa có công trình nào bàn luận đến mức tương đối kỹ lưỡng, chuyên sâu, khoảng 100, 200 trang về vấn đề đạo đức và các nội dung triết học khác trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam.

Đây là những lý do đã thôi thúc tôi nghiên cứu và viết luận án về triết lý đạo đức trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam.

Làm công việc trên, tôi có ý thức quán triệt tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng Sản Việt Nam về văn hóa nói chung, về văn hóa dân gian nói riêng; thêm nữa, góp phần vào việc cần được bù đắp trong công tác nghiên cứu của chúng ta hiện nay.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Tác giả nhằm mục đích chứng tỏ có một hệ thống triết lý về đạo đức tại kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, khẳng định trong đó gồm nhiều quan điểm, tư tưởng đáng được coi trọng, từ đây góp phần thực hiện chủ trương của Đảng là kế thừa, phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa, nghệ thuật của dân tộc, và bổ túc chỗ khiếm khuyết trong đời sống lý luận của chúng ta lúc này.

Muốn vậy, người viết luận án phải hoàn thành những nhiệm vụ sau:

1) Tổng luận kết quả nghiên cứu hữu quan, xác định nội hàm một số khái niệm được đề cập trong luận án.

2) Tiếp cận mấy vấn đề chung về đạo đức tại kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam trong truyền thống.

3) Bàn về cái thiện - khái niệm, vấn đề trung tâm của đạo đức học - và các hành vi ác - cái đối lập với cái thiện trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam.

4) Trình bày về hạnh phúc và bất hạnh - những khái niệm, vấn đề cơ bản của đạo đức học được diễn giải trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của tác giả luận án là kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam và nhiều tác phẩm hữu quan.

Phạm vi tiếp cận của người viết công trình này xin được giới hạn hẹp, cụ thể hơn để đủ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu nói trên, tức là chỉ tìm hiểu những mệnh đề, tác phẩm triết lý về đạo đức tại kho tàng tục ngữ, ca dao,

dân ca Việt Nam được lưu giữ từ trong truyền thống.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của công trình này là những quan điểm, nguyên lý trong chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh và văn kiện Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phương pháp khoa học được áp dụng để hoàn thành luận án là: kết hợp phương pháp phân tích với phương pháp tổng hợp, lịch sử với lôgic, quy nạp với diễn dịch, trừu tượng với cụ thể, v.v..

5. Đóng góp mới của luận án

1) Góp phần chứng minh, khẳng định trong tục ngữ, ca dao dân ca Việt Nam hàm chứa nhiều nhân tố, quan điểm, lý luận triết học nói chung và triết học về đạo đức nói riêng đáng được ghi nhận, trân trọng, giữ gìn và quảng bá.

2) Trình bày có hệ thống, nhiều chiều cạnh một số vấn đề đạo đức dưới góc độ triết học.

3) Đề xuất một số ý kiến, cách giải thích mới trong nghiên cứu tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam.

6. Ý nghĩa của luận án

Công trình này có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho học viên, sinh viên, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, cho bạn đọc thưởng thức về tục ngữ, ca dao, dân ca, về lịch sử tư tưởng Việt Nam, về đạo đức, triết học nói chung và góp phần giáo dục, xây dựng con người có nhân cách, phẩm chất mới ở nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm có phần mở đầu, tiếp theo là 4 chương, tất cả gồm 9 tiết, và kết luận; kể đến bản kê 36 công trình đã đăng tải của tác giả có liên quan với luận án; cuối cùng là danh mục 118 tài liệu tham khảo chính.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. TỪ GÓC ĐỘ NGHIÊN CỨU TỤC NGỮ, CA DAO, DÂN CA VIỆT NAM

Cuốn sách *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, ngoài phần sưu tập, tuyển chọn, tác giả bàn về tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam dưới góc độ văn học là chính, về đạo đức cũng được thể hiện thông qua việc phân chia những tác phẩm nói trên theo chủ đề như: tình yêu nam nữ, tình nghĩa vợ chồng, nỗi khổ cực (bất hạnh) của nông dân, v.v..

Bộ giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* của Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 1998 chủ yếu nhằm mục đích phục vụ cho việc giảng dạy, nghiên cứu, học tập văn học. Tại đây cũng có tiếp cận tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam dưới góc độ triết học nói chung, đạo đức học nói riêng, cụ thể là bàn về những vấn đề ân nghĩa, hạnh

phúc, đấu tranh, phê phán hành vi ác, v.v. trong kho tàng sáng tác trên ở mức độ nhất định để không đi chệch mục tiêu nghiên cứu.

Công trình *Thi ca bình dân Việt Nam - tòa lâu đài văn hóa dân tộc* của Nguyễn Tấn Long, Phan Canh, Nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành từ Hà Nội, 1998, gồm 4 tập. Tập 1 có phụ đề Nhân sinh quan, tập 2: Xã hội quan, tập 3: Vũ trụ quan, tập 4: Sinh hoạt thi ca. Các tiêu đề trên khá đậm màu sắc triết học. Tuy vậy, những vấn đề đạo đức dưới góc độ triết học như lẽ sống, đức hiếu, đạo lý con người, v.v. chưa được tác giả bộ sách bàn luận.

Công trình của Cao Huy Đình *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, cũng bàn nhiều về ca dao, dân ca Việt Nam. Nhưng, đây là cuốn sách chỉ nghiên cứu sự phát triển liên tục của văn học dân gian nước ta. Các vấn đề đạo đức như ân nghĩa, trách nhiệm, chỉ giáo những cá nhân cùng nguồn cội cần phải yêu thương, gắn bó với nhau, cảnh báo, giáo dục mọi thành viên trong xã hội phải sống nhân hậu, tránh làm việc ác mới được bàn ở mức độ hạn chế và phù hợp với nhiệm vụ, mục tiêu nghiên cứu đã xác định.

Bộ *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội, 2001, gồm 5 tập. Lời nói đầu viết chung cho cả 5 tập, trong đó khẳng định dứt khoát và có lý rằng: văn học dân gian là một nhân tố quan trọng cấu thành văn hóa; là một phức hợp giá trị văn hóa - văn học - lịch sử - triết học - ngôn ngữ - tôn giáo - đạo đức, v.v. của mỗi dân tộc; là đối tượng nghiên cứu của các bộ môn văn hóa học, sử học, dân tộc học, triết học, đạo đức học, ngôn ngữ học, tôn giáo học, âm nhạc học, vũ đạo học, v.v..

Bộ sách nói trên chủ yếu tập trung bàn luận nhiều về giá trị văn học, không đi sâu vào những vấn đề triết học, đạo đức học.

Quyển *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam* của tác giả Võ Quang Nhơn, do Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp ấn hành từ Hà Nội vào năm 1983 là một bộ phận trong hệ thống giáo trình văn học Việt Nam của Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Bởi vậy, viết về thơ ca dân gian, sử thi và truyện thơ dân gian, đều được tác giả chủ yếu tiếp cận dưới góc độ văn học. Ở đây không đi sâu vào những khía cạnh đạo đức là lẽ đương nhiên

Năm 1996, Nhà xuất bản Nghệ An đã ấn hành cuốn *Kho tàng ca dao xứ Nghệ, t.I* dày hơn 500 trang. Bài nghiên cứu, giới thiệu, do Ninh Viết Giao viết một cách công phu, về ca dao của người Việt, người Thái và về đồng dao ở xứ Nghệ. Những vấn đề về đạo đức, triết học trong kho tàng ca dao xứ Nghệ như trọng đạo lý, phẩm chất trung thực, lên án hành vi ác, v.v., Ninh Viết Giao tuy có

bàn luận, nhưng mới ở mức độ giản lược, đó cũng không phải là một khiếm khuyết trong công trình của nhà nghiên cứu văn học.

Năm 1997, Nhà xuất bản Khoa học xã hội ấn hành từ Hà Nội công trình *50 năm nghiên cứu, phổ biến văn hóa, văn nghệ dân gian*, in chung 38 tham luận khoa học về nghiên cứu, giảng dạy văn học, văn hóa, văn nghệ dân gian đáng để cho chúng ta tự hào về di sản tinh thần này của dân tộc. Nhưng, những vấn đề đạo đức trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam hầu như chưa được đề cập ở đây.

Cuốn *Văn học dân gian Việt Nam trong nhà trường* của tác giả Nguyễn Xuân Lạc do Nhà xuất bản Giáo dục ấn hành từ Hà Nội năm 1998, đã đề cập những vấn đề triết học (nhận thức) và đạo đức (nhân nghĩa) trong các sáng tác dân gian Việt Nam. Nhưng, vài vấn đề triết học và đạo đức đó mới chỉ được bàn luận một cách chung chung xen vào công việc chính là trình bày những giá trị văn học nghệ thuật của các tác phẩm dân gian. Đây cũng không phải là một hạn chế, thiếu sót của tác giả tập sách, mà là một hướng tiếp cận văn bản đã được xác định.

Vũ Thị Thu Hương đã sưu tập nhiều bài viết về ca dao để làm thành ấn phẩm mang tựa *Ca dao Việt Nam - những lời bình*, Nhà xuất bản Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000. Nội dung cuốn sách bàn nhiều về ca dao Việt Nam, nhưng về nhân tố triết học và đạo đức trong đó mới chỉ được đề cập sơ lược.

Cuốn *Tục ngữ Việt Nam* của nhóm biên soạn Chu Xuân Diên, Lương Văn Đăng, Phương Tri do Nhà xuất bản Khoa học xã hội in và phát hành từ Hà Nội năm 1998. Ngoài phần sưu tập tục ngữ Việt Nam, nội dung sách còn đề cập nhiều vấn đề triết học, đạo đức trong tục ngữ Việt Nam nhưng mới dừng lại ở cách phân loại, chọn, sắp xếp các tác phẩm tục ngữ theo chủ đề như thiện - ác, ân nghĩa - bội bạc, trách nhiệm, phát triển, suy tàn, sự thay đổi, v.v. để phục vụ cho công việc học tập và giảng dạy văn học.

Tác phẩm *Tục ngữ - ca dao Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động ấn hành từ Hà Nội, năm 2005, Cao Tuyết Minh tuyển chọn và viết Lời nói đầu. Trong Lời nói đầu vào loại ngắn gọn nhất này, người viết đã tỏ ra chú ý chứ chưa bàn đến mấy vấn đề đạo đức trong tục ngữ, ca dao Việt Nam.

Những yếu tố duy vật và biện chứng trong tục ngữ, ca dao Việt Nam là luận văn thạc sĩ triết học đã bảo vệ thành công tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 1996. Đây là công trình của Võ Hoàng Khải nghiên cứu khá nghiêm túc về giá trị triết học, trong đó có đề cập vài khía cạnh đạo đức tại kho tàng tục ngữ, ca dao Việt Nam.

Tiểu luận *Cảm nhận triết lý tục ngữ, ca dao* của tác giả Song Phan, đăng *Người Hà Nội*, 08:31'AM - Thứ năm, 27-10-2005. Từ trích dẫn, phân tích, bình luận nhiều giá trị triết học trong tục ngữ, ca dao, tác giả đã đi đến mấy nhận xét xác đáng: triết lý trong tục ngữ, ca dao vừa mang tính riêng của dân tộc, vừa

mang tính chung của toàn nhân loại. Công trình tương đối gần với đề tài về triết lý đạo đức trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam.

Tiểu luận *Tìm hiểu những yếu tố triết học (hay triết lý dân gian) trong tục ngữ Việt Nam* của Vũ Hùng, Tạp chí *Triết học*, 09-01-2007, 11:48:55. Ở đây, tác giả lập luận, tục ngữ không phải là triết học nhưng về phương diện nào đó nó rất gần gũi với triết học, là "triết lý dân gian", "triết lý của nhân dân lao động".

Bài *Hạt ngọc trầm tích* của Suong Nguyệt Minh, Tạp chí *Tiếp thị và Gia đình*, 06:50'PM - Thứ bảy, 17-01-2009 bàn về tục ngữ và ca dao là phương tiện để người Việt giải bày tâm trạng, tình cảm hoặc gửi gắm tâm sự lúc buồn đau và cả khi hạnh phúc. Qua tiểu luận ngắn này, người viết đã có suy nghĩ sâu sắc về một số khía cạnh đạo đức trong tục ngữ, ca dao Việt Nam.

Trở lên là tổng quan kết quả sưu tập và nghiên cứu trong những tác phẩm tiếp cận tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam chủ yếu dưới góc độ văn học. Trong đó, một số công trình đã ít nhiều bàn luận vấn đề đạo đức tại kho tàng sáng tác nói trên. Có thể khẳng định những ấn phẩm ấy là rất có giá trị, giúp ích nhiều cho việc nghiên cứu triết lý đạo đức trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam cả về tư liệu, cả về xác định nhiệm vụ, mục tiêu và nội dung hoàn tất.

1.2. TỪ NHỮNG NGHIÊN CỨU VỀ ĐẠO ĐỨC XÃ HỘI NÓI CHUNG

Có nhiều trước tác về vấn đề này đã được xã hội hóa. Sau đây chỉ tổng quan mấy tác phẩm tiêu biểu nhất.

Đặng Hữu Toàn qua bài *Hướng các giá trị đạo đức theo hệ chuẩn giá trị chân - thiện - mỹ*, Tạp chí *Triết học*, 06:30'PM - Thứ sáu, 04-08-2006, cho rằng, chúng ta và cả cộng đồng nhân loại vừa trải qua những thập niên của thiên niên kỷ thứ hai với những biến động dữ dội mang tính toàn cầu để bước sang thiên niên kỷ thứ ba chắc sẽ lại diễn ra với những biến động khó lường, dẫn các quốc gia, dân tộc tới sự liên kết quốc tế bằng quá trình toàn cầu hóa; toàn cầu hóa theo phương phát triển kinh tế thị trường khi mà thang giá trị và chuẩn giá trị ở các nước còn nhiều khác biệt đang đặt ra những vấn đề cấp bách cho mọi quốc gia, dân tộc trong việc định hướng giá trị nói chung, định hướng các giá trị đạo đức truyền thống nói riêng.

Kết quả nghiên cứu mang tựa đề *Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và đạo đức xã hội trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay* của Phạm Văn Đức, Tạp chí *Triết học*, 12:00' - Thứ ba, 28-11-2006. Theo tác giả, công cuộc đổi mới đất nước đã thu được những thành tựu to lớn, đồng thời đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề đáng quan tâm, trong đó có vấn đề đạo đức. Từ phân tích, tác giả đi đến kết luận lợi ích cá nhân trong nền kinh tế thị trường đã tác động đến đạo đức theo hai hướng trái ngược nhau: 1) lợi ích cá nhân góp phần tạo nên các giá trị và chuẩn mực đạo đức mới; 2) lợi ích cá nhân có

thể làm băng hoại các giá trị đạo đức truyền thống của con người. Vì vậy, để đánh giá tích cực hay tiêu cực của lợi ích cá nhân đối với đạo đức, cần xem xét hiệu quả mà lợi ích đó đem lại có phù hợp với lợi ích chung của toàn xã hội hay không. Đồng thời, không thể nói một cách giản đơn rằng, sự xuống cấp về đạo đức hoàn toàn bắt nguồn từ việc khuyến khích lợi ích cá nhân của người lao động.

Công trình *Về tính quy luật của sự hình thành hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức mới* của Nguyễn Văn Phúc, Tạp chí *Triết học*, 08:07' PM - Thứ tư, 27-06-2007, bàn về sự hình thành hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức mới. Tác giả cho rằng, một trong những vấn đề được coi là có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng đạo đức hiện nay là hình thành hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức mới. Để giải quyết vấn đề này, phải phân tích toàn diện và đầy đủ các nhân tố tác động đến quá trình hình thành hệ giá trị chuẩn mực đạo đức mới, trong đó, kinh tế thị trường, tiến bộ công nghệ, giao lưu văn hóa là những nhân tố cơ bản nhất; việc phân tích quy định của những nhân tố đó sẽ làm bộc lộ nhiều tính quy luật của sự hình thành hệ giá trị chuẩn mực đạo đức cả về mặt nội dung, vị trí, cả về mặt giải pháp xây dựng, hoàn thiện hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức mới.

Cuốn sách do Nguyễn Duy Quý chủ biên mang tên *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay: vấn đề và giải pháp*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, bàn luận nhiều và sâu sắc vấn đề đạo đức xã hội nhằm mục tiêu góp phần xây dựng con người mới, nền đạo đức mới ở nước ta hiện nay. Nó chỉ ra, ở ta, pháp luật không đầy đủ, thiếu đồng bộ, kém hiệu lực và hiệu quả với không ít biểu hiện nhu nhược, non yếu của nhiều tổ chức, cơ quan có trọng trách thi hành, bảo vệ pháp luật, sự hư hỏng, thoái hóa của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức có quyền lực; xử lý pháp luật chưa nghiêm, nguyên tắc mọi người bình đẳng trước pháp luật chưa được thực hiện nghiêm chỉnh, vì thế làm suy yếu thể chế, quyền dân chủ của mọi người dân, nguyên tắc công bằng xã hội bị vi phạm, và còn tạo ra mảnh đất dung dưỡng cho những hành vi phản đạo đức, cái ác, cái xấu, cái giả, phi nhân tính tồn tại, phát triển; giáo dục đạo đức, văn hóa đạo đức, nhất là giáo dục truyền thống bị xem nhẹ, thậm chí đã có lúc bỏ trống; đồng tiền lên ngôi, lối sống vụ lợi, vị kỷ, thực dụng, tôn thờ các giá trị vật chất, các tiện nghi tiêu dùng và hưởng lạc, sự trỗi dậy của chủ nghĩa cá nhân cực đoan ... đã lấn át và làm xói mòn các giá trị tinh thần, làm hủy hoại đạo đức, nhân cách, v.v.. Từ nghiên cứu, tác giả cuốn sách đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách của đạo đức xã hội ta hiện nay.

Những tác giả viết về đạo đức tại các thời điểm lịch sử khác nhau đều có thể coi *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay: vấn đề và giải pháp* và ba công trình về đạo đức xã hội đã điễm qua kể trên là tài liệu hữu quan, cần tham khảo. Bởi

vì tất cả những trước tác ấy đều có điểm chung là bàn về đạo đức và góp phần hình thành con người mới mang phẩm chất, giá trị tiên bộ.

1.3. CÁCH HIỂU CÁC KHÁI NIỆM TRIẾT LÝ, TRIẾT LUẬN, ĐẠO ĐỨC, TỤC NGŨ, CA DAO, DÂN CA

1.3.1. Triết lý

Nhiều người đã định nghĩa triết lý (với tư cách một danh từ) có nghĩa 1 là "lý luận triết học" [86, tr.1282](trong dấu móc, trước dấu phẩy là số tài liệu tham khảo chính ghi ở cuối luận án, sau dấu phẩy là số trang của tài liệu đó). Ở đây, chữ "triết" là triết học, chữ "lý" là lý luận; giải thích "triết lý" là "lý luận triết học". Đây là cách hiểu đúng về khái niệm triết lý. Vẫn theo các tác giả đưa ra định nghĩa chính xác nói trên còn giải thích triết lý (với tư cách một danh từ) có nghĩa 2 là "quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội" [86, tr.1282]. Giải thích này là đúng, nhưng chưa đầy đủ. Bởi vì lý luận triết học, tức triết lý, không chỉ là quan niệm chung của con người về những vấn đề nhân sinh và xã hội, mà còn về cả giới tự nhiên nữa.

Triết học bao giờ cũng được dùng với tư cách một danh từ, còn triết lý được dùng với tư cách một danh từ, nó có 2 nghĩa như nói ở trên. Nó còn thường được sử dụng với tư cách một động từ với nghĩa là bàn luận, giải trình về triết học.

1.3.2. Triết luận

Khái niệm triết luận được dùng trong không ít ấn phẩm. Tác giả luận án này cũng sử dụng nhiều lần khái niệm ấy. Nội hàm của khái niệm triết luận được sử dụng với tư cách một tính từ với nghĩa là mang nội dung, ý nghĩa triết học.

1.3.3. Đạo đức

Trong đời sống xã hội, người ta nói và được nghe nhiều về đạo đức. Tại đời sống lý luận không chỉ có nói, nghe, mà còn viết không ít về đạo đức. Nhưng, đạo đức là gì thì hiển nhiên tồn tại những sự khác biệt hoặc bất cập nhất định. Có tác giả định nghĩa đạo đức "là một hình thức ý thức xã hội đặc biệt, bao gồm một hệ thống những quan điểm, quan niệm, những quy tắc, nguyên tắc, chuẩn mực xã hội. Nó ra đời, tồn tại, và biến đổi từ nhu cầu của xã hội" [48, tr.12]. Định nghĩa này hơi dài, nên được lược bỏ đi nhiều chữ thừa. Đạo đức không phải là hình thái ý thức xã hội đặc biệt. Tôn giáo mới là hình thái ý thức xã hội đặc biệt và rất phức tạp. Hai chữ "nguyên tắc" thật ra là quy tắc ban đầu, quy tắc gốc, vì vậy, nó đã được bao hàm trong hai chữ "quy tắc" rồi, nó không cần phải viết ra cho định nghĩa dài dòng thêm. Định nghĩa trên gồm hai câu phức nên hơi dài. Định nghĩa một khái niệm cần được diễn đạt ngắn gọn trong một câu thôi.

Nên định nghĩa ngắn gọn và bảo đảm đầy đủ ý nghĩa cho khái niệm đạo đức: là một hình thái ý thức xã hội, bao gồm những quy định mang tính lịch sử về nghĩa vụ của người này đối với người khác và toàn xã hội. Định nghĩa đạo đức như thế là theo phương pháp của Lênin đã chỉ giáo: đem khái niệm cần định nghĩa “ quy vào một khái niệm rộng hơn” [110,tr.171 - 172]. Rồi kể đó, chỉ ra những đặc điểm riêng của khái niệm cần định nghĩa. Nó bảo đảm quy tắc định nghĩa phải “ ngắn gọn” [41,tr. 100] vì gồm có một câu không dài. Nó bao hàm 3 ý nghĩa: 1) Khẳng định đạo đức là một hình thái ý thức xã hội; 2) Nói rõ đạo đức bao gồm những quy định về nghĩa vụ của con người; 3) Những quy định về nghĩa vụ của con người nói trên mang tính lịch sử, tức là nó đúng, phù hợp trong mỗi giai đoạn nhất định, vì thế, có biểu hiện được coi là phẩm chất tốt vào thời kỳ này, nhưng lại bị phê phán tại hoàn cảnh lịch sử khác, chẳng hạn, thờ chồng nuôi con, không lấy chồng khác coi như tấm gương sáng về đạo đức trong chế độ phong kiến, song tại xã hội mới thì chẳng có gì đáng khen ngợi.

1.3.4. Tục ngữ

Đó là những câu ngắn gọn, thường có vần điệu, đúc kết tri thức, kinh nghiệm sống, phẩm chất đạo đức, lao động sản xuất, đấu tranh xã hội của nhân dân qua nhiều thế hệ. Thí dụ: "Ăn lấy chắc, mặc lấy bền" [1, tr.26]. Thí dụ khác: "Bạc đầu chưa hết dại"; "Bạc ba quan tha hồ mở bát, cháo ba đồng chê đất không ăn" [1, tr.27].

1.3.5. Ca dao

Là thơ ca dân gian được truyền miệng từ người này sang người khác, đời này qua đời khác, thường là theo thể thơ lục bát cho dễ nhớ, dễ thuộc. Thí dụ: "Ai ăn cau cưới thì đền / Tuổi em còn bé chưa nên lấy chồng" [1, tr.175]; "Gặp em anh chẳng dám chào / Sợ ba má hỏi: thằng nào biết con" [1, tr.437].

1.3.6. Dân ca

Đây là những câu, bài hát lưu truyền có sự sửa đổi ít nhiều trong dân gian. Chẳng hạn, câu sau đây: "Người ơi người ở đừng về / Người về em những khóc thầm / Bên sông, vạt áo ướt đầm như mưa / ... Người về em nhắn mấy lời / Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ đi" [96, tr.118].

Tục ngữ, ca dao, dân ca là ba loại hình sáng tác dân gian khác nhau và thường là không rõ tác giả (chứ không phải là không có tác giả), bởi vì được lưu truyền, thêm bớt, sửa đổi trong dân chúng và cùng với thời gian. Nhưng, một số không ít bài ca dao, dân ca hiện đại có ghi rõ tác giả.

Nhiều tác phẩm tục ngữ, ca dao, dân ca chỉ có sự khác biệt một cách tương đối. Chẳng hạn, câu "Ta về ta tắm ao ta / Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn" có thể được coi là tác phẩm tục ngữ [1, tr.140], nhưng nhiều nhà nghiên cứu cho đây là câu ca dao [20, tr.397]; tác phẩm ca dao "Đêm qua mới gọi là đêm / Ruột xót như muối, dạ mềm như dưa" [20,

tr.165], khi được quần chúng lao động hoặc các nghệ sĩ dân gian đem ra hát xướng thì đương nhiên trở thành khúc dân ca [96, tr.551]. Những cách hiểu khác nhau ấy đều chấp nhận được, chứ không phải là tùy tiện, bị phản bác, vì không hề làm sai lệch đi ý nghĩa, nội dung tác phẩm dân gian của chúng ta.

Một số khái niệm trên đây còn có những cách hiểu khác nhau trong giới nghiên cứu. Vì thế, chúng cần được xác định rõ nội hàm để sử dụng tại công trình khoa học về triết lý đạo đức trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Đó là công việc chung nên làm trước khi bàn về các nội dung riêng cụ thể theo cảnh báo sau đây của Lênin: “người nào bắt tay vào những vấn đề riêng trước khi giải quyết những vấn đề chung, thì kẻ đó, trên mỗi bước đi, sẽ không tránh khỏi “vấp phải” những vấn đề chung đó một cách không tự giác”[109,tr.437].

Qua việc tổng quan ba chục tác phẩm, đầu sách tiêu biểu về sưu tầm, nghiên cứu tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam và đạo đức trên đây cho thấy: vấn đề triết lý đạo đức trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam còn là một khoảng trống, chưa được tập trung bàn luận. Vì thế, người viết công trình này dành nhiều thời gian, công sức để tìm hiểu vấn đề triết lý nói trên nhằm góp phần: hiện thực hóa chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về kế thừa, phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức, thẩm mỹ, các di sản văn hóa, nghệ thuật của dân tộc, và giảm bớt chỗ khiếm khuyết trong đời sống lý luận của chúng ta hiện nay.

Chương 2. GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC VÀ THÓI ĐỜI

Dựa vào một đặc điểm của đạo đức xã hội và của phạm trù đạo đức học có tính phân cực rõ ràng (thí dụ: thiện và ác, hạnh phúc và bất hạnh, v.v.), nên sau chương 1 bàn mấy vấn đề chung, đến chương 2 này, tác giả luận án trình bày những nội dung, phẩm chất đối lập nhau của con người trong tục ngữ, ca dao dân ca Việt Nam là giá trị đạo đức và thói đời.

2.1. KHẲNG ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, đó là những mệnh đề, câu thơ, khúc hát ngắn gọn, súc tích, phản ánh cuộc sống xã hội chủ yếu theo lối bình dân và có nhiều hình ảnh, màu sắc, âm hưởng để lại ấn tượng khó quên trong tâm trí người đọc. Đó là ưu thế của kho tàng sáng tác dân gian nói trên. Chính vì thế cha ông chúng ta đã có ý thức dùng loại hình sáng tác ấy để tôn vinh và giáo dục đạo đức cho cộng đồng.

2.1.1. Đạo đức, một giá trị được tôn vinh

Trong kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam nhiều lần nhấn mạnh phẩm chất đạo đức là một giá trị thuộc về bản chất của con người phải được coi trọng trên hết, trước tiên so với các giá trị khác của mỗi cá nhân, nó có vai trò,

tác dụng không nhỏ, đem lại nhiều lợi ích cả về vật chất, cả về tinh thần, danh dự, là cơ sở xây dựng tình yêu và hôn nhân của con người.

Những tác giả kho tàng tục ngữ và thơ ca dân gian Việt Nam còn triết lý để khẳng định phẩm chất đạo đức hơn hẳn về đẹp hình thức con người, và cao quý hơn tiền bạc, vật chất.

2.1.2. Đạo đức, một giá trị cần quan tâm giáo dục

Tiếp cận kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam thì một điều dễ nhận thấy là tác giả di sản mang nhiều ý nghĩa này có quan niệm và nhấn mạnh đạo đức, đặc trưng bản chất của con người cần được quan tâm giáo dục. Nhiều câu tục ngữ, ca dao vừa là sự phản ánh thực tế đời sống, vừa là sự giáo dục con người về đức tính khiêm tốn, về tinh thần, tấm lòng, hành động vị tha, vì sự nghiệp chung, về phẩm chất chân thật, nghĩa tình, chung thủy.

Tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam còn tỏ ra rất quan tâm giáo dục đạo đức cho con người bằng chỉ dẫn cách hành động đúng mức. Tác giả luận án quan niệm chỉ dẫn cách hành động đúng mức là một khía cạnh đạo đức bởi vì như chủ nghĩa duy vật lịch sử và văn kiện Đảng ta đã nhiều lần nhấn mạnh phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân bao giờ cũng biểu hiện ở hành động, việc làm của con người. Đòi hỏi những nhân vật được tôn kính cần chứng tỏ mình là tấm gương sáng, là hình ảnh mẫu mực và phải tránh làm việc bất chính để cho kẻ dưới học tập, chịu ảnh hưởng tích cực, không bị tác động xấu về nhân phẩm, đó là một phương thức giáo dục đạo đức khác trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam.

2.2. PHÊ PHÁN THÓI ĐÒI

Làm nên không ít tác phẩm tục ngữ, ca dao, dân ca để phê phán nhiều thói đời, cha ông ta nhằm mục đích giáo dục, định hướng cho cháu con lúc đương thời và những thế hệ sau có suy nghĩ, việc làm hướng thiện, đồng thời cảnh báo, ngăn chặn lối tư duy, hành động độc ác. Người viết luận án có chủ định phân tích, bình luận các sáng tác ấy kế tiếp tiết về khẳng định giá trị đạo đức trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Qua đây chứng tỏ những vấn đề đạo đức trong kho tàng sáng tác nói trên có tính phân cực, đối lập nhau rất rõ ràng.

2.2.1. Đua đòi, lười lao động, ham ăn chơi quá đáng

Một thực tế hiển nhiên là trong đời sống xã hội từ xưa đến nay đã có không ít người mắc chứng tật đua đòi. Làm nên nhiều tác phẩm tục ngữ đầy chất triết lý để phê phán thói xấu ấy, tác giả bình dân đã chê trách, giễu cợt những kẻ hay bắt chước việc làm của người khác, nhưng người khác làm hay, tốt, đẹp bao nhiêu thì kẻ đua đòi ấy lại làm dở, tồi tệ, xấu xí bấy nhiêu.

Thói xấu của không ít người là lười lao động, ham ăn chơi quá đáng được tác giả tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam tập trung đả kích mạnh mẽ.

Những tác phẩm ca dao sau đây đều đồng thời vừa phê phán ai đó đã ham chơi lại lười lao động: "Làm thì chẳng muốn bằng ai / Ăn thì thứ nhất thứ hai trong làng", "Ăn thì ăn những miếng ngon / Làm thì chọn việc còn con mà làm". Câu tục ngữ "Đồng bác thì qua, đồng quà thì nhớ" nói lên sự bất bình của tác giả đối với hạng người chỉ chăm chăm ăn uống, còn những việc làm cần thiết cho cuộc sống thường nhật dù rất nhỏ nhẹ cũng chẳng quan tâm và dễ quên đi.

2.2.2. Ngu dốt, khoe khoang

Nhiều tác giả tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam tỏ ra có ý thức phê phán bằng cách mỉa mai, giễu cợt một cách cay độc những biểu hiện ngu dốt của người đời. "Thế gian còn đại chưa khôn / Sống mặc áo rách, chết chôn áo lạnh". Đề đời câu ca dao trên, tác giả của nó không chỉ phê phán một quan niệm sai lầm cố hữu mà còn mong con cháu cùng các thế hệ hậu sinh phải đoạn tuyệt, không tái diễn chứng tật ấy.

Từ ngu tối trong nhận thức, nhiều người đã có những hành động vô ích hoặc là rất tai hại. Những câu tục ngữ, ca dao "Đánh bùn sang ao", "Ném bùn sang ao", "Vạch thuyền tìm kiếm", "Khắc thuyền tìm gương" "Cây cao bóng mát chẳng ngòi / Ra ngòi chỗ nắng trách trời không râm", v.v., minh chứng cho tít người đó.

Cho ra đời tác phẩm ca dao "Con ếch ngòi ở trong hang / Gọi khách đi đàng trời nắng có giông" cha ông chúng ta đã phê phán mẫu người quanh năm, suốt đời chỉ ru rú nơi thôn cùng, xóm vắng hoặc chốn thâm sơn, cùng cốc, ít tiếp xúc với mọi người, va đập với cuộc sống, không có điều kiện học hỏi, vì thế, sự hiểu biết rất hạn chế, gần như con số không, thậm chí phản ánh sai lệch hiện thực khách quan (trời nắng thì phán liều là có giông), thế nhưng lại ngu, ra vẻ mình có kiến thức sâu rộng và ngạo mạn làm người dạy bảo, chỉ dẫn cho thiên hạ.

Nhiều tác phẩm ca dao Việt Nam mang nội dung chỉ trích những người thích khoe khoang xuất phát từ chỗ chỉ thấy phần hơn, ưu việt, không nhận ra điểm non yếu của mình so với đối phương mà họ phủ định: "Chì khoe chì nặng hơn đồng / Sao chì chẳng đúc nên công, nên chiêng", v.v..

Thật khó hiểu, trong xã hội còn có những cá nhân lại khoe cả cái xấu, đáng lẽ chỉ để riêng mình âm thầm chịu đựng. "Lấy chồng ông công ông nghè / Lấy chồng ông phỗng cũng khoe lấy chồng" là bài ca dao trữ tình phản ánh thực tế đó. Ông phỗng từ xưa đến nay được hầu hết người Việt Nam coi là biểu tượng của kẻ đầu óc ngu đực, cực xấu về ngoại hình, chỉ biết làm công việc hầu hạ và đồ chơi cho trẻ con. Lưu giữ trong kho tàng ca dao trữ tình Việt Nam mệnh đề "Lấy chồng ông phỗng cũng khoe lấy chồng", tác giả của nó đã thể hiện thái độ phê phán bằng lời lẽ tuy nhẹ nhàng nhưng rất cay độc và chùng như muốn nhắc nhở chung cả phái đẹp của chúng ta nếu

trót lấy phải người chồng mang ít nhiều phẩm chất như ông phỗng thì chớ có khoe khoang một cách quái dị.

2.2.3. Nói khoác, kỳ quặc

Nhiều tác phẩm tục ngữ Việt Nam có nội dung phê phán những người từng nói và làm không có sự thống nhất, cụ thể là phát ngôn như thế này nhưng làm lại theo lối khác hẳn, hoặc tuyên bố thì hay ho lắm, đến lúc hành động thì mới tỏ ra một nhân cách nhỏ mọn, thấp hèn. Để đời mấy câu "Một tác đến trời", "Mười voi không được bát nước xáo", không ít tác giả tục ngữ Việt Nam đã tỏ thái độ phản đối, bất bình với nhiều kẻ nói dóc, bốc đồng về những việc không thể nào thực hiện được.

Có những nhân vật trước công chúng đã nói năng khoác lác, phùng mang, trợn mắt, vung tay, đá chân y như một võ tướng có sức mạnh vô biên và ý chí thép gang từng đánh bại bao kẻ thù hùng mạnh, nhưng thực chất họ lại là thứ hạng nhát gan, sợ hãi còn hơn cả em gái nhỏ trước bọn bất lương đàng đàng sát khí. Nhằm giễu cợt, phê phán bọn người đó, cha ông ta đã đề đời thi phẩm này trong kho tàng ca dao trữ tình Việt Nam: "Nói thì đâm năm chém mười / Đến bữa tối trời chẳng dám ra sân".

Tại kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có tương đối nhiều tác phẩm mang nội dung phê phán những dấu hiệu kỳ quặc của con người như: "Ăn mày đòi xôi gấc, ăn chịu đòi bánh chưng". Để lại cho con cháu cùng các thế hệ hậu sinh tác phẩm tục ngữ ấy, cha ông chúng ta tỏ ra lấy làm bất bình về sự yêu cầu quá cao của một số người so với địa vị của họ trong xã hội. Làm câu tục ngữ "Gái đã già mồm", tác giả của nó đã có ý thức phê phán những phụ nữ có lỗi đáng lẽ phải tự nhận ra sự lầm lỡ của mình rồi tu chỉnh để trở thành con người tốt hơn, nhưng thật kỳ lạ, họ lại lớn tiếng lập liêm đi hành vi xấu xa của mình. Tác giả bình dân Việt Nam cảm thấy thực tế kỳ cục lạ lẫm và đã làm nên những câu tục ngữ sau đây để phê phán các hiện tượng ấy: "Già còn chơi trống bỏi", "Cưa sừng làm nghé".

Những tác phẩm tục ngữ, ca dao "Việc quan lay lút, việc cút lại cần", "Khen ai khéo đúc chuông chì / Dáng thì có dáng, đánh thì không kêu", v.v. mang nhiều chủ đề, một trong số đó là phê phán, giễu cợt khá cay độc những người không biết chọn việc, nên làm một cách kỳ quái.

2.2.4. Khen chê lấy được, vị kỷ

Tiếp cận kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, chúng ta thấy có khá nhiều tác phẩm phê phán theo cách không dữ dội nhưng tương đối sâu cay một phẩm chất của không ít người là khen chê lấy được chỉ cốt đem lại lợi ích chắc chắn là không chân chính cho ai đó, còn đúng hay sai, phải hoặc trái, kẻ khen chê chẳng cần biết, không hề bận tâm gì cả. "Nước cùng một giếng múc ra / Đó chê đây đực, đó mà hơn chi !", "Cam sen, quýt ngọt, người

chê / Người ăn khế rụng, tôi ghê thay người", "Nước giữa đồng anh chê trong chê đục / Nước vũng trâu đầm anh hì hục khen ngon".

Các tác phẩm tục ngữ "Cha chung không ai khóc", "Lắm sãi không ai đóng cửa chùa", "Cháy nhà hàng xóm, bình chân như vại", v.v. chính là sự lên án, phê phán của tác giả bình dân nhằm vào những kẻ quen thói chỉ biết vun vén cho cá nhân mình, ngoài ra chẳng còn nghĩ đến việc công hoặc bất kỳ ai khác.

2.2.5. Bịp bợm, giả tạo

Tìm hiểu tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam, giới nghiên cứu cũng như công chúng độc giả đều được cảm thụ nhiều tác phẩm đặc sắc mang nội dung, ý nghĩa phê phán hai thói xấu của người đời là bịp bợm, giả tạo. "Thầy cúng ngồi cạnh giường thờ / Mồm thì lắm bả tay sờ đĩa xôi". Tác phẩm ca dao này cho thiên hạ biết, con người được xã hội cũ tôn trọng gọi là "thầy" (hơn hẳn nhiều người khác chỉ được coi là "thợ", là "bác phó", "ông phó", v.v.) làm nghề cúng lễ được miêu tả ở đây là ông thầy giả, và vị này đích thực là kẻ ăn cắp, bịp bợm. "Ra đường võng giá nghênh ngang / Về nhà hỏi vợ: "Cám rang đâu mày? / Cám rang tôi để cối xay / Hễ chó ăn mất thì mày với ông!". Tác phẩm ca dao Việt Nam ấy cho người nghe và bạn đọc biết chân tướng một gã đàn ông vào hạng nghèo hèn, khi ra ngoài xã hội thì giấu nghèo, giả bộ là kẻ giàu sang quyền quý, về nhà thì phơi bày ra cái bản chất thật, thiếu văn hóa, xưng "ông" với vợ, gọi vợ là "mày", đe dọa đánh vợ nếu như vợ không bảo quản cẩn thận mà lại để chó ăn mất khẩu phần cám rang của anh ta.

Những câu tục ngữ "Khẩu Phật, tâm xà", "Miệng bồ tát, dạ ót ngâm", v.v. là những tác phẩm được sáng tác để phê phán tít người hành động độc ác, nham hiểm nhưng lại có những lời lẽ từ bi, phúc hậu để lừa bịp thiên hạ, làm cho công chúng có lúc, ở đâu đó lại lầm tưởng họ là người tử tế, hiền hậu, nhân từ.

2.2.6. Bất hiếu, bội nghĩa

Theo quan niệm và nhận thức của người Việt Nam, trong tất cả các giá trị đạo đức thì hiếu là phẩm chất được chú trọng đặc biệt. Chính vì thế mà tác giả tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam cũng không quên phê phán những biểu hiện bất hiếu trong cộng đồng xã hội: "Đi đâu mà bỏ mẹ già / Gối nghiêng ai sửa, chén trà ai nâng", "Mẹ già hết gạo treo niêu / Mà anh khăn đỏ, khăn điều vắt vai". Để đời bài ca dao "Sống thì con chẳng cho ăn / Chết thì xôi thịt làm văn tế ruồi", tác giả của nó đã bày tỏ thái độ không đồng ý với những người con có biểu hiện bất hiếu, chăm sóc cha mẹ không được tử tế, lúc song thân còn sống thì không cho ăn, mãi đến khi qua đời rồi mới làm cho người sinh ra họ cái việc chẳng mấy thiết thực.

Tại kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có khá nhiều tác phẩm chứa đựng nội dung, ý nghĩa phê phán thói đời bội nghĩa. "Khởi rên quen

thầy", "Ăn cháo đái bát", "Ăn cá, bỏ lò", "Thế gian lắm chuyện khô hài / Hễ ăn được cá tính bài bỏ nom", "Qua sông đấm b. vào sóng", v.v. là những câu tục ngữ Việt Nam. Đây vừa là sự khái quát, vừa là lời phê phán nghiêm khắc những ai đó trong xã hội, ngay sau khi được người khác cứu giúp, đã không còn nhớ, mà vội quên ơn, thậm chí còn có hành động hết sức khốn nạn đối với nhân vật lẽ ra phải tri ân, hơn nữa, có sự đền đáp. Tác phẩm ca dao "Khi chưa cầu lụy trăm đàng / Được rồi thì lại phũ phàng làm ngơ" cũng mang ý nghĩa và chứa đựng thái độ bất bình đối với ai đó sau khi nài nỉ, cầu mong người giúp mình, đến khi được toại nguyện rồi thì không những không tỏ ra biết nhớ, đền ơn mà còn có hành động phản đạo đức, bạc ác, tàn nhẫn với nhân vật sống nghĩa tình.

Chương 3. TÌNH CẢM, VIỆC LÀM THIỆN VÀ HÀNH VI ÁC

Cái thiện là phạm trù trung tâm của đạo đức học. Trong khoa học đạo đức, cái thiện thường được bàn luận gắn liền với phạm trù đối lập với nó là cái ác. Trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam đã bàn luận nhiều về cái thiện và ác cùng những biểu hiện khác của phạm trù, vấn đề trung tâm đó. Ở chương này bàn về tình cảm, việc làm thiện gắn liền với vấn đề đối lập của nó là hành vi ác được phản ánh trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam.

3.1. BIỂU DƯƠNG, CA NGỢI CÁI THIỆN

3.1.1. Ân nghĩa, trách nhiệm của cha mẹ và con dành cho nhau

Trong tác phẩm tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có nhiều triết lý về công lao, tình cảm của cha mẹ dành cho con. Chẳng hạn, câu tục ngữ "Công cha nghĩa mẹ"; những câu ca dao: "Công cha nghĩa mẹ núi Hoành Sơn nào tày", "Ơn cha nặng lắm ai ơi! / Nghĩa mẹ bằng trời chín tháng cưu mang"; và mấy câu dân ca: "Thập ân phụ mẫu xem tày Thái Sơn", "Công cha như núi Thái Sơn / Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra", "Công cha đức mẹ cao dày / Cưu mang trứng nước những ngày còn thơ"...

Vẫn trong tác phẩm đang bàn có nhiều câu triết luận là sự chi tiết, cụ thể hơn về công nuôi dưỡng con cái, không quản gian khổ, vất vả vì con của những người làm cha, làm mẹ: "Chim trời ai dễ đếm lông / Nuôi con ai nở kể công tháng ngày", "Nuôi con ai nở kể tiền cơm", "Anh đi làm mướn nuôi ai / Cho áo anh rách cho vai anh mòn ? / Anh đi làm mướn nuôi con / Áo rách mặc áo, vai mòn mặc vai", "Nuôi con chẳng quản đến thân / Chiếu rách mẹ chịu, áo khăn con nằm / Có khi trời rét cầm cầm / Mệt chẳng được nằm đôi chẳng được ăn / Mong sao cho con thành thân / Đi học đi mần (làm) gây dựng cho con".

Câu tục ngữ Việt Nam "Mẹ con một lần da đến thịt" cùng những câu ca dao "Gió mùa thu mẹ ru con ngủ / Đêm năm canh chày mẹ thức đủ vừa năm", v.v. nói lên tình cảm sâu nặng, tình thương yêu không có giới hạn của người mẹ dành cho con.

Khi tổng kết, khái quát thực tế để đúc kết thành những câu tục ngữ "Cá

chuoối đắđm đuoối vì con",v.v., tác giả của nó đã thể hiện tư tưởng, quan niệm của dân tộc ta về nghĩa vụ, trách nhiệm, lương tâm của cha mẹ không quản ngại, chịu khó, đau khổ, tổn thất vì con.

Trong kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam hàm chứa nhiều mệnh đề, câu triết luận về tình cảm và việc làm của con cái đền đáp, chăm sóc cha mẹ. Đây là nội dung có quan hệ hữu cơ, gắn bó máu thịt với chủ đề công lao của cha mẹ đối với con trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam, và nó cũng cần được nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn những triết lý về đạo đức tại kho tàng sáng tác nói trên: "Cha mẹ nuôi con từ trứng nước ngây thơ / Công cha đức mẹ biết bao giờ cho quên", "Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa / Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương", "Lên non mới biết non cao / Nuôi con mới biết công lao mẫu từ",v.v..

Tác giả câu ca dao "Trâu để lúc chết tế ruồi / Sao bằng lúc sống ngọt bùi là hơn" đã thể hiện một quan niệm có lý của nhiều người con về cách chăm sóc cha mẹ. Theo đây thì cấp dưỡng cho cha mẹ lúc còn sống được nhiều giá trị vật chất thiết thực sẽ hơn hẳn tình trạng ít lo cho cha mẹ điều kiện rất cần để sống và tồn tại nhưng lại làm cái việc tế lễ quá to tát, long trọng mang ý nghĩa phô trương khi họ qua đời. Triết lý đạo đức ấy trong ca dao Việt Nam rõ ràng là thể hiện một quan niệm tiên bộ của nhiều người con bình dân Việt Nam.

3.1.2. Nhớ ơn thầy dạy và người cho hưởng thụ

Tại kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có nhiều tác phẩm khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của người thầy truyền dạy kiến thức, hiểu biết cho mỗi cá nhân và xã hội.

Trong các tác phẩm tục ngữ của người Thái Việt Nam có câu về người thầy "Bố mẹ dạy không bằng thầy dạy".

"Dốt nát tìm thầy". "Dốt kia thì phải cậy thầy". "Không thầy đố mày làm nên". "Có thờ thầy mới được làm thầy". V.v.. Đó là một hệ mệnh đề, câu trong tục ngữ Việt Nam đã thể hiện sự quý mến, trân trọng, tôn vinh những người thầy chân chính của quần chúng nhân dân.

Tác giả tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam còn làm nên nhiều câu triết luận chứng tỏ người Việt Nam không chỉ học trong trường lớp, mà còn học anh em bạn bè, già trẻ học tập lẫn nhau, học ở ngoài xã hội, học quần chúng nhân dân, không loại trừ việc học cả ở những người có văn hóa, học vắn tắt, thậm chí là mù chữ, lao động chân tay tại một đất nước có nền tiểu sản xuất nông nghiệp lạc hậu nhưng cũng được kết quả đáng kể.

Trong kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam còn có không ít tác phẩm làm nên triết lý về thái độ tình cảm của nhân dân ta biết, nhớ và đền ơn người cho hưởng thụ và ghi nhớ công ơn của Bác Hồ, của Đảng, của những nhân vật đã chiến đấu, đóng góp, hy sinh cho sự nghiệp chung.

3.1.3. Tình yêu quê hương, đất nước

Con người Việt Nam, như Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh, từ xưa đến nay, có lòng yêu nước nồng nàn, đó là một phẩm chất, truyền thống quý báu của dân tộc ta. Về chủ đề này, tác giả tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam đã bàn luận, phản ánh khá kỹ trong nhiều tác phẩm. Đọc sáng tác nói trên, người nghiên cứu nhận thấy dân Việt Nam luôn có : niềm tự hào về đất nước, quê hương giàu đẹp ; kiêu hãnh về những di tích văn hoá lịch sử, chiến công của dân tộc ; trân trọng , thương quý những người lao động cần mẫn, gian khổ và yêu nghề truyền thống ; thương nhớ quê hương, Tổ quốc với những kỷ niệm không thể nào quên được. Đó là những biểu hiện rất sinh động về tình yêu quê hương đất nước, một phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam.

Phẩm chất đạo đức ấy còn được nhiều tác giả thơ ca bình dân của dân tộc thể hiện thông qua trình bày tình cảm sâu nặng của con người Việt Nam dành cho cái chung, đó là Tổ quốc. "Ta về ta tắm ao ta / Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn". Theo đây thì tác giả câu ca dao và nhân vật trữ tình trong đó tỏ thái độ, tình cảm yêu Tổ quốc Việt Nam vô cùng, chứ không chạy trốn, từ bỏ đất nước do cha ông ta xây dựng nên.

Tình yêu quê hương, đất nước của nhân dân ta còn biểu hiện qua những dấu hiệu hằng ghi nhớ nhiều sự kiện lịch sử và thương tiếc vô cùng các anh hùng dũng sĩ đã chiến đấu, hy sinh cho sự nghiệp chung, ý chí quyết tâm, tinh thần hăng hái tham gia chống kẻ thù xâm lược cũng được phản ánh nhiều trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam.

3.2. LÊN ÁN, TỔ CÁO HÀNH VI ÁC

3.2.1. Cướp thành quả lao động của người khác

Con người cũng như xã hội chỉ có thể tồn tại và phát triển được bằng cách thông qua lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất.

Cũng bởi thế mà cướp thành quả lao động của người khác như đã được phản ánh trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam, thật sự là hành động tội ác. Nhiều câu triết luận và tác phẩm trong kho tàng tục ngữ, thơ ca bình dân đã chứng tỏ nhân dân ta bộc lộ thái độ căm thù, lên án và tố cáo bọn bất lương, thống trị trong xã hội cũ đã có hành vi tội ác cướp thành quả lao động của họ.

3.2.2. Làm đổ vỡ hạnh phúc của người khác

Con người nói chung, trừ ít cá nhân kỳ dị, khác thường, hầu như ai cũng mơ ước, và hơn nữa, có ý thức xây dựng hạnh phúc cho bản thân và gia đình, cái đơn vị mà các báo chí, phương tiện thông tin đại chúng thường gọi và viết một cách có hình ảnh là tổ ấm của mỗi cá nhân, tế bào của xã hội. Vì vậy, làm đổ vỡ hạnh phúc của người khác được nhiều tác giả tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam triết lý, tố cáo đó là một hành vi tội ác. Hành vi tội ác tà trời gây nên sự tổn thất, đổ vỡ, bi kịch cho nam nữ thanh niên có thể xuất phát từ sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến.

Hạnh phúc, tình yêu của lớp trẻ trong xã hội cũ theo sự mô tả trong ca dao Việt Nam có thể còn bị phá hủy bởi hành vi ác nghiệt, ép duyên của chính cha mẹ họ và bởi nhiều nguyên nhân khác mà người trong cuộc mới chỉ cảm nhận được một cách đại thể chứ chưa gọi tên ra được

3.2.3. Ích kỷ hại nhân, hủy diệt sự sống của con người

Một loại hành vi độc ác gây hậu quả nặng nề hơn như đã bàn luận ở trên được phản ánh trong kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam là những việc làm ích kỷ, hại nhân, hủy diệt sự sống của con người. Trong xã hội có sự phân chia thành giai cấp đối lập nhau về quyền lợi và địa vị lịch sử giữa các tập đoàn người vốn phong phú, đa dạng và phức tạp từ trước đến nay đều có một loại người ác độc, bội nghĩa, được ơn, đáng ra phải ghi nhớ, có sự đền đáp và mong cho người khác cũng được diễm phúc như mình, nhưng, họ không những không trả ơn mà còn hành động phũ phàng phản nghịch với ân nhân, đồng thời không muốn bất kỳ ai khác được thụ hưởng như mình đã từng được.

"Ném đá giấu tay", "Ngậm máu phun người", v.v. là những tác phẩm tục ngữ Việt Nam nói về hành vi độc ác của một bọn người nào đó trong xã hội có hành động phũ phàng, lời nói nham hiểm, xuyên tạc sự thật, làm hại dân lành.

3.2.4. Kẻ có quyền thế và bọn thống trị chống nhân dân, phản Tổ quốc

Giới nghiên cứu cũng như công chúng bạn đọc nhận thấy nhiều tác giả tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam tố cáo mạnh mẽ tập đoàn quan lại, những kẻ có quyền thế trong xã hội cũ đã gây nên nỗi khổ đau, bất hạnh cho nhân dân lao động. Khái quát thực tế phũ phàng ấy, tác giả tục ngữ Việt Nam đã có nhiều câu triết luận sau đây: "Quyền sinh quyền sát", "Ăn hiếp ăn đáp", "Cá lớn nuốt cá bé", v.v..

Trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có một hệ tác phẩm, triết lý tố cáo hành vi ác độc của bọn hôn quân bạo chúa gây nên nỗi thống khổ cho nhân dân ta, hơn nữa, chúng còn đang tâm mở đường rước kẻ thù về xâm lược Tổ quốc. Chẳng hạn, bài ca dao "Từ ngày Cảnh Trị lên ngôi / Khoai chữa mọc chồi đã nhô lên ăn". Thí dụ khác, không ít tác phẩm ca dao tố cáo vua Tự Đức và triều đại của ông làm cho nhân dân cả nước phải khôn khổ, điêu đứng, mất mát, tổn thất quá nhiều. "Từ ngày Tự Đức lên ngôi / Cơm chẳng đầy nôi trẻ khóc như ri". "Vạn Niên là Vạn Niên nào ? Thành xây xương lính, hào đào máu dân". Đất nước dưới sự trị vì, cai quản của vị vua ngu tối ấy nhân dân vốn đói khổ lại càng thêm đói khổ, thế mà ông vẫn xây cung điện nguy nga tiêu hủy bao tiền của, sức lực và cả sự sống của không ít dân lành.

3.2.5. Chủ nghĩa đế quốc xâm lược Việt Nam và nô dịch đồng bào ta

Trong kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có nhiều tác phẩm lên án hành vi tội ác của chủ nghĩa thực dân, đế quốc xâm lược đất nước và nô

dịch nhân dân ta. Tội ác lớn nhất đối với nhân loại của chủ nghĩa thực dân đế quốc đã gây ra trên đất nước ta là xâm lược và nô dịch. Người phải chịu hậu quả nặng nề, khủng khiếp có một không hai trong lịch sử là nhân dân lao động Việt Nam vốn yêu chuộng độc lập, tự do, dân chủ và hòa bình. Sau khi thông qua các biện pháp thương mại, thủ đoạn truyền giáo, và được bọn vua quan nhà Nguyễn mở đường, thực dân Pháp đã xâm lược Việt Nam. Tiếp nữa, phát xít Nhật cũng nhảy vào đất nước thân yêu, đẹp giàu của chúng ta. Kẻ thù số một của nhân loại trong thời đại hiện nay là đế quốc Mỹ cũng nhòm ngó, hơn nữa, gây chiến tranh chống phá Việt Nam. Bọn thực dân, đế quốc đã thống trị, áp bức, bóc lột, nô dịch, làm cho nhân dân ta phải chịu tổn thất, đau thương đến mức không thể tưởng tượng được. Bằng loại hình sáng tác mang nhiều giá trị, ý nghĩa (văn học, triết học, xã hội học, chính trị, v.v.), không ít người làm tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam đã góp phần lên án, tố cáo tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân, đế quốc gây nên cho đồng bào, đồng chí của mình.

Chương 4. VẤN ĐỀ HẠNH PHÚC VÀ BẤT HẠNH

Chương này bàn luận hai phạm trù cơ bản của đạo đức học đồng thời là những vấn đề lớn của nhân loại có tính chất đối lập nhau đã được trình bày trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam: hạnh phúc và bất hạnh

4.1. BÀN LUẬN VỀ HẠNH PHÚC

Hạnh phúc là vấn đề lớn của mọi thời đại, loài người hằng quan tâm và mơ ước. Bàn về hạnh phúc và những nội dung hữu quan khác để làm rõ hơn phạm trù này, đó là một nhiệm vụ của những người nghiên cứu triết học nói chung, đạo đức học nói riêng. Trong lịch sử đã xuất hiện và tồn tại nhiều cách giải trình khác nhau về hạnh phúc. Sau đây là quan niệm của tác giả tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam về vấn đề đó.

4.1.1. Cắt nghĩa hạnh phúc và mô tả dạng lý tưởng của nó

Bản chất và các khía cạnh khác thuộc vấn đề hạnh phúc được những người làm tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam bàn luận tương đối kỹ và rõ trong sáng tác của mình.

Người dân trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam cầu mong, quan niệm về hạnh phúc không phải ở những gì cao xa, kỳ vĩ, mà ở ngay những người ruột thịt là cha mẹ, anh chị em hòa thuận, con cái thành đạt, là tình trạng sức khỏe tốt của con người, là tuổi trẻ có tình yêu đôi lứa.

Tác giả tục ngữ và thơ ca dân gian Việt Nam không chỉ cắt nghĩa hạnh phúc của con người mà còn mô tả dạng lý tưởng của điều may mắn, tốt lành ấy. Đó là tình yêu đi đến hôn nhân của trai tài gái sắc mang lại niềm vui cho cả gia đình, là người vợ có chồng giỏi giang, trí tuệ, thành đạt trên con đường học hành khoa cử, là người chồng có vợ đảm đang, tảo tần góp công sức lớn trong xây dựng hạnh phúc gia đình, là cuộc sống hôn nhân có con gái canh

cửu việc nhà, con trai đi học đỗ đạt, v.v..

4.1.2. Khẳng định hạnh phúc là một sự lựa chọn và quyết đoán

Trong tác phẩm tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam có nhiều câu, bài khẳng định hạnh phúc là một sự lựa chọn. Nói đến tình yêu, hôn nhân đẹp, gặp điều may mắn, tốt lành, tức là hạnh phúc, không ít người thiên về tình cảm hơn là về lý trí. Nhưng, trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam thì chứng tỏ rằng, hạnh phúc, tình yêu, hôn nhân cần có một sự lựa chọn của lý trí. Có nhiều câu tục ngữ, ca dao làm nên những triết lý mang nội dung nhắc nhở, cảnh báo con người (ở đây là các thiếu nữ) trong việc xây dựng hạnh phúc, hôn nhân phải có sự suy xét của khối óc để tránh việc phải hơn một lần tìm người bạn đời của mình.

Hạnh phúc, hôn nhân của con người còn được không ít tác giả tục ngữ và ca dao Việt Nam trình bày là một sự suy xét của lý trí tỏ ra đặc biệt coi trọng phẩm chất thông minh. "Thà rằng làm lẽ thứ mười, còn hơn chính thất những người đàn ngu" và nhiều tác phẩm tục ngữ, ca dao khác đã chứng minh nhận xét trên.

Hạnh phúc, tình yêu, hôn nhân của con người, theo nhiều tác giả tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, còn là vấn đề có sự quyết đoán, tức là phải tự quyết định mạnh bạo, dứt khoát, không do dự, không sợ hãi. Không ít tác phẩm ca dao Việt Nam nói về sự quyết đoán ấy. Ca dao Việt Nam còn chỉ dẫn lớp trẻ của chúng ta phải tự mình quyết định và phải chống quan niệm duy tâm, thuyết tiền định trong quan hệ tình yêu đôi lứa để đi đến hôn nhân.

4.1.3. Hạnh phúc, vấn đề đòi hỏi chủ thể phải năng động và tự bảo vệ

Bàn luận về hạnh phúc, nhiều tác giả tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam đã nhấn mạnh đó là vấn đề đòi hỏi chủ thể phải có sự năng động. Chủ thể nói ở đây là con người có ý thức bằng việc làm thực tế sẽ cải tạo, biến đổi môi trường, hoàn cảnh theo hướng có lợi cho mình.

Một trong những biểu hiện năng động của con người trong trường hợp cụ thể này theo sự giải trình trong tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam là phải biết khắc phục khó khăn về hoàn cảnh địa lý, không gian cách trở, gia cảnh không thuận để đi đến hạnh phúc, hôn nhân.

Không ít tác phẩm ca dao, dân ca Việt Nam chứa đựng triết lý về hạnh phúc, hôn nhân, đó là vấn đề đòi hỏi chủ thể phải biết bảo vệ bằng nhiều phương thức. Giữ gìn hạnh phúc, hôn nhân có khi chỉ với tình thương của người vợ dành cho chồng, lúc khác thì bằng cách ứng xử, hành động đúng mức, hợp lý của con người, v.v..

Trên đây là sự trình bày những quan điểm, tư tưởng hợp lý trong tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam về hạnh phúc của con người. Nhưng, trong kho tàng sáng tác ấy còn có nhiều câu triết luận giải thích hạnh phúc nói chung của con người một cách bất cập. Không ít câu tục ngữ, bài ca dao Việt Nam trình bày hạnh phúc của con người như một sự ngẫu nhiên, nó ở đâu đến, nó đi, nó thay

thế hoặc nhường chỗ cho cái đối lập với nó, v.v. cũng không thể biết được, con người không nên bỏ công sức ra tìm kiếm mà làm gì.

4.2. QUAN NIỆM VỀ BẤT HẠNH

Đối lập với hạnh phúc - những điều may mắn, tốt lành - , đó là nỗi bất hạnh của con người. Bất hạnh là tất cả những gì đối lập với hạnh phúc, vì thế, con người không hằng mong muốn, nhưng thực tế đã cho thấy, nó cứ đến, hiện diện một cách thường xuyên với hầu hết những thành viên trong xã hội cũng như mỗi gia đình, dân tộc, đất nước. Nhiều người sống hiền hậu, hành động đúng mực, đã từng và sẵn sàng cứu giúp người khác, nhưng lại gặp hành vi ác độc, phải đau khổ, tổn thất một cách rất phi lý. Và thử hỏi có mấy ai tránh được những nỗi bất hạnh do khách quan hoặc chủ quan, hoặc bởi cả hai yếu tố ấy, hoặc từ một sự cố nào đó gây ra mà cá nhân phải gánh chịu cùng nhiều người thân của họ cũng không thể lý giải được trong không ít trường hợp. Xem thế, bất hạnh là vấn đề thuộc về con người và rất phức tạp, khó giải thích, chúng ta không mong muốn, nhưng khó tránh khỏi, vì vậy, cần tìm hiểu để hạn chế nó được nhiều nhất và cũng là để nhận thức rõ và sâu sắc hơn vấn đề hạnh phúc là mặt đối lập với những nội dung nghiên cứu tại đây. Với nhận xét và suy nghĩ theo hướng đó, công việc tìm hiểu tiếp theo sẽ tập trung bàn luận sự giải thích bất hạnh trong tác phẩm tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam như sau:

4.2.1. Tình yêu đôi lứa rất khó hoặc không đi đến hôn nhân hạnh phúc

Một nỗi bất hạnh của con người được nhiều tác giả tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam đề cập, đó là tình yêu đôi lứa rất khó hoặc không có thể đi đến hôn nhân hạnh phúc, tức là không đạt tới cái điều may mắn tốt lành mà hầu như mọi thành viên bình thường của xã hội đều ước nguyện, hơn nữa, còn được hưởng thụ trong đời sống hiện thực.

Trong kho tàng sáng tác nói trên giải thích cuộc sống bất hạnh không đi đến hôn nhân, hạnh phúc của con người là do một, hoặc nhiều nguyên nhân như: sự nghèo túng, có trường hợp do lỡ tay làm một công việc lẽ ra không nên làm, có thể do ai đó yêu đơn phương, có trường hợp vì hoàn cảnh khách quan không như điều người ta hằng mong muốn.

4.2.2. Hôn nhân giả tạo, lừa bịp, ép buộc và bị phản bội

Trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam có nhiều câu triết luận về thực tại phũ phàng mà nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ của chúng ta phải chịu đựng, đó là những cuộc hôn nhân giả tạo, lừa bịp, ép buộc và bị phản bội.

Sự lừa dối, lòng tham, tính toán thực dụng, cha mẹ ép buộc con trong việc đi đến hôn nhân cũng khiến cho con người phải chịu nỗi bất hạnh trong xã hội phong kiến. Thực tế này đã được ca dao Việt Nam ghi nhận. Và sự phản bội trong hôn nhân, hạnh phúc lứa đôi bị phá hủy là những hành động khác dẫn đến nỗi bất hạnh cho con người. Tác giả ca dao Việt Nam đã phản ánh tất cả những thực tại phũ phàng đó.

4.2.3. Cuộc sống vợ chồng bất như ý

Nỗi bất hạnh của con người theo sự giải trình trong nhiều tác phẩm ca dao Việt Nam còn là hệ quả của những cuộc sống hôn nhân đầy mâu thuẫn, xung khắc, giận hờn thường xuyên, là nỗi buồn chán của người phụ nữ lấy phải chồng tồi tệ, khốn nạn, là sự khổ đau của nhiều chàng trai có vợ tệ hại, thất đức.

4.2.4. Chậm hoặc không có tình yêu, hôn nhân và con cái

Tình yêu nam nữ và cuộc sống hôn nhân hạnh phúc là cái thuộc về con người. Nếu đến tuổi được phép, được thực hiện quyền sống trong hôn nhân hạnh phúc, nhưng vì một hoặc nhiều lý do nào đấy mà ai đó chậm hoặc vĩnh viễn không có tình yêu, hôn nhân thì người ta thật sự đau khổ, cảm thấy cô đơn buồn chán, bất hạnh vô cùng. Đây là vấn đề xã hội. Nó không chỉ tương đối phổ biến trong xã hội cũ. Nó còn hiện diện ngay cả trong xã hội mới văn minh có chế độ chính trị dân chủ, nhà nước pháp quyền, nền kinh tế rất phát triển hoặc đang phát triển.

Không ít tác giả ca dao Việt Nam phản ánh những vấn đề tâm lý xã hội ấy đã để lại trong kho tàng tác phẩm dân gian của chúng ta nhiều câu triết luận thật khó có thể quên được đối với mỗi độc giả về nỗi bất hạnh đó của con người. Theo nguồn tư liệu này thì con cái, tình yêu, hôn nhân là những phần lớn, nội dung chính yếu, nhu cầu, khát vọng của mỗi cá nhân, vì thế, nếu chưa hoặc không thành hiện thực thì sẽ là nỗi bất hạnh, đau khổ, cô đơn không thể lấy gì thay thế, bù đắp được.

4.2.5. Nỗi khổ của người dân trong xã hội cũ

Tác giả kho tàng tục ngữ, thơ ca dân gian Việt Nam còn tiếp tục giải trình vấn đề bất hạnh, cụ thể là nói về người dân trong xã hội cũ, phải lao động cực nhọc, thiếu thốn, mất mát, tổn thất cả về vật chất và tinh thần, cuộc sống hiện tại bế tắc, tương lai thì tối tăm với một thái độ, tình cảm yêu thương, trân trọng, làm nên nhiều tác phẩm thật khó có thể bị lãng quên trong tâm trí độc giả thế hệ hôm nay cũng như mai sau.

Cuộc sống nghèo, đói ăn, thiếu mặc là một nỗi khổ, bất hạnh khác của con người nói chung, của nông dân ta trong xã hội cũ nói riêng được tác giả tục ngữ, ca dao Việt Nam quan tâm mô tả bằng nhiều câu triết luận có âm hưởng buồn và đầy tình yêu thương cùng với sự đồng cảm.

Một niềm vui nhỏ, hạnh phúc đơn sơ lẽ ra không thể thiếu của người nông dân là có ruộng đất để sản xuất, gieo trồng, có cuộc sống vợ chồng và đưa con yêu quý. Nhưng trong xã hội cũ, những nhu cầu đó của người nông dân cũng hầu như không được trọn vẹn, bị tổn thất nghiêm trọng. Thực tại ấy đã được nhiều tác giả tục ngữ, ca dao Việt Nam phản ánh.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung chính của luận án mang tên *Triết lý đạo đức trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*. Nó được triển khai và cấu thành bởi 4 chương.

1. Trong chương đầu, từ tổng luận những kết quả nghiên cứu có liên quan với đề tài, tác giả đã xác định hướng đi sâu tìm hiểu của mình là hoàn toàn mới, mang tính thời sự và làm rõ một số khái niệm (phạm trù) được sử dụng trong luận án. Những khái niệm đó đã được nhắc đến nhiều trong đời sống lý luận, nhưng còn có không ít cách hiểu khác nhau, vì thế chúng được xác định nội hàm ở đây là công việc nên làm. Các khái niệm này được bàn luận ở đây còn vì đây là những cái chung, chúng cần được làm rõ trước khi tiếp cận mấy vấn đề riêng cụ thể trong luận án. (Bởi, theo Lenin, cái chung cần được làm sáng tỏ rồi mới trình bày về cái riêng là hợp lý).

Chương thứ hai bàn về vấn đề đạo đức, một giá trị, phẩm chất cần được tôn vinh và giáo dục theo quan niệm của những người sáng tác tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Tại đây còn đề cập nhiều thói đời bị phê phán trong kho tàng sáng tác dân gian nói trên như: đua đòi, lười lao động, ham ăn chơi quá đáng; ngu dốt, khoe khoang; nói khoác, kỳ quặc; khen chê lầy đờ, vị kỷ; bịp bợm, giả tạo; bất hiếu, bội nghĩa. Tức là toàn bộ nội dung chương này viết về hai loại giá trị, phẩm chất đối lập nhau trong xã hội: một loại cần được khẳng định, tuyên truyền, giáo dục và một loại phải phê phán để góp phần xây dựng con người cùng với nền đạo đức mới ở nước ta hiện nay.

Chương thứ ba bàn về cái thiện và những gì đối lập với nó là hành vi ác độc được phản ánh trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Cái thiện, phạm trù trung tâm của đạo đức học và là vấn đề được xã hội hết sức chú ý coi như mục tiêu để tu dưỡng, giáo dục. Tác giả luận án bàn về những cái thiện được mô tả trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, đó là: công lao, tình cảm của cha mẹ và con cái dành cho nhau; sự nhớ ơn thầy dạy và người cho hưởng thụ; tình yêu quê hương đất nước. Tại đây còn bàn về những biểu hiện của hành vi ác độc đối lập với các giá trị, phẩm chất đạo đức mẫu mực được mô tả trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Đó là những hành động: cướp thành quả lao động và làm đổ vỡ hạnh phúc của người khác; việc làm ích kỷ hại nhân; bọn có quyền thế cùng tập đoàn thống trị trong xã hội cũ phản động bảo vệ và Tổ quốc; chủ nghĩa đế quốc xâm lược Việt Nam, nô dịch nhân dân ta.

Nội dung chương cuối của luận án, cũng tương tự chương thứ hai và thứ ba, bàn về hai vấn đề đạo đức đối lập nhau trong kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam. Ở đây giải trình hạnh phúc là gì và mô tả dạng lý tưởng của nó; khẳng định hạnh phúc là một sự lựa chọn và quyết đoán; nhấn mạnh hạnh phúc là vấn đề đòi hỏi chủ thể phải năng động và tự bảo vệ. Vấn đề bất hạnh được bàn luận trong phần hai của chương cuối là: tình yêu đôi lứa rất khó hoặc không đi đến được hôn nhân hạnh phúc; hôn nhân giả tạo, lừa bịp, ép buộc và bị phản bội; cuộc sống vợ chồng bất như ý; nỗi khổ của những người chậm hoặc vĩnh viễn không có tình yêu, hôn nhân và con cái; tình trạng cùng cực của người dân trong xã hội cũ.

Đó là toàn bộ nội dung chính của luận án không có sự trùng lặp với bất kỳ công trình, tác phẩm nào đã được xã hội hoá, và làm sáng tỏ được triết lý về đạo đức tại kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam, khẳng định trong di sản ấy gồm nhiều quan điểm, tư tưởng triết học về đạo đức có giá trị, từ đó góp phần thực hiện chủ trương của Đảng trong nghiên cứu để kế thừa, phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức, v.v. của dân tộc. Với nội dung như trên chứng tỏ tác giả luận án đã hoàn thành nhiệm vụ và đạt được mục tiêu nghiên cứu của mình.

2. Những vấn đề đạo đức khác như tình yêu đôi lứa, tình cảm vợ chồng, v.v. tại kho tàng tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam chưa được bàn nhiều trong luận án phải hạn chế cả về nội dung và số trang này. Các giá trị triết học của tác phẩm bình dân ấy như vấn đề con người, lý luận nhận thức, v.v. cũng chưa được nghiên cứu sâu tại đây để tránh tình trạng đi xa nhiệm vụ, mục tiêu tiếp cận đã xác định. Vì thế, người viết xin được tìm hiểu các vấn đề hữu quan đó trong thời gian tới khi có nhu cầu và điều kiện cho phép./.